

Số: 33/2023/QĐCNTTLH

Mù Cang Chải, ngày 25 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34, 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Mùa Thị N** và anh **Sùng A T**.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị **Mùa Thị N**, sinh năm 1993;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 9 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị **Mùa Thị N**, sinh năm 1993

+ Anh **Sùng A T**, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: **bản M, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái.**

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi nhận trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 9 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi nhận trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 9 năm 2023, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị **Mùa Thị N** và anh **Sùng A T** thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:*

Giao cho chị **Mùa Thị N** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Sùng Thị S**, ngày 20/03/2010; **Sùng Thị C**, ngày 16/3/2011 và cháu **Sùng Sơn T1**, ngày 09/10/2014. Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng 800.000đ/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mù Cang Chải;
- THADS huyện Mù Cang Chải;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã Mồ Dề huyện MCC;
- Lưu: TA.

THẨM PHÁN

ĐK

Lý A Hờ